

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2021/HC-PT

Ngày: 06/8/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 173/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2021, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1744/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hạ Thị L, sinh năm 1956 (*văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020*) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Hạ Thị L, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số 52 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đức Tr; quyền giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định ủy quyền số 918/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện S*).

Địa chỉ: Xã T2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1. Địa chỉ: Xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi - Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Anh Tr1, sinh năm 1968 - Có mặt.

- Bà Trần Thị Minh H1, sinh năm 1970 - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L trình bày:

Năm 2016 ông Nguyễn Anh Tr1 gửi đơn đến Chủ tịch UBND huyện S yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 7.979,3m² thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, xã T1, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác. Quá trình kiểm tra, thẩm tra, xác minh, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T, ở thôn B, xã T1, huyện S. Không đồng ý với Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, chúng tôi đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 05/01/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T (*địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi*). Chúng tôi không đồng ý với toàn bộ nội dung của 02 quyết định giải quyết tranh chấp nêu trên bởi các lý do sau đây:

Việc xác định nguồn gốc sử dụng đất và nhận định về nguồn gốc sử dụng đất của hai Quyết định nêu trên là không thực khách quan: Nguyên thừa đất này do ông nội chúng tôi là ông Nguyễn L1 sử dụng để trồng sắn, mì, chè, mít và trồng tranh để lợp nhà ở. Sau khi ông L1 qua đời để lại cho cha chúng tôi là ông Nguyễn Th (*bí danh là Nguyễn L2*) và bác ruột là ông Nguyễn L1 cùng quản lý sử dụng diện tích đất này. Đến năm 1978 cha và bác qua đời, toàn bộ diện tích đất này vợ chồng tôi tiếp tục sử dụng trồng sắn, mì và keo. Những người chị con của bác là bà Nguyễn

Thị M, bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Th1 không có nhu cầu sử dụng đất này nên ngày 22/10/2004, bà M, bà H2 và bà Th1 thống nhất giao toàn bộ thửa đất này cho chúng tôi toàn quyền sử dụng.

Gia đình chúng tôi sử dụng thửa đất này từ năm 1978, vợ chồng tôi trồng các loại cây thực phẩm như khoai lang, khoai mì, sắn và trồng bạch đàn, trồng tranh để lợp nhà. Tuy nhiên, cuối năm 2003 ông Tr1 ngang nhiên lấn chiếm đất của gia đình chúng tôi để trồng keo, vợ chồng ông Tr1 lại cho rằng đây là đất do ông bà khai hoang. Điều này là vô lý, bởi gia đình chúng tôi đã sử dụng đất này qua bao đời nay.

Một lần nữa chúng tôi khẳng định, thửa đất có diện tích 7.979,3m² thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ số 34, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác là thửa đất có nguồn gốc từ ông bà chúng tôi để lại và do vợ chồng tôi trực tiếp khai hoang sử dụng từ năm 1978 đến nay, gia đình tôi sử dụng ổn định, liên tục, có ranh giới, mốc giới rõ ràng. Điều này cũng được thể hiện trong Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là gia đình tôi khai hoang thửa đất này. Tại Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, Chủ tịch UBND huyện S cho rằng ông Tr1 sử dụng thửa đất này từ năm 2002-2005 là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai) nên ông Nguyễn Anh Tr1 đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 7.979,3m². Nhận định này của Chủ tịch UBND huyện S là không đúng và không phù hợp với quy định của pháp luật đất đai năm 2013, bởi:

Thứ nhất: Gia đình chúng tôi sử dụng thửa đất này liên tục, ổn định từ trước năm 1975 đến nay nhưng Chủ tịch UBND huyện lại không xem xét chấp nhận quá trình sử dụng đất của gia đình tôi mà lại chấp nhận việc sử dụng đất của ông Tr1. Trong khi gia đình tôi đang sử dụng đất thì cuối năm 2003 ông Tr1 ngang nhiên đến lấn chiếm, chặt nhiều cây bạch đàn của chúng tôi rồi tự ý trồng keo để chiếm đất. Sau đó ông lại báo với chính quyền địa phương là gia đình tôi lấn chiếm đất của ông. Điều này là hoàn toàn bịa đặt và vô căn cứ.

Thứ hai: UBND xã T1 và Chủ tịch UBND huyện S cho rằng ông Tr1 khai hoang thửa đất này và sử dụng ổn định liên tục từ năm 2002 đến 2005. Điều này không đúng sự thật khách quan vì một thửa đất đã được một cá nhân, hộ gia đình khai hoang và sử dụng trước đó thì không thể cho rằng năm 2002 ông Tr1 đến thửa đất này tiếp tục khai hoang sử dụng ổn định, liên tục được. Khi ông Tr1 đến lấn chiếm đất, chúng tôi đã ra sức ngăn cản và buộc ông Tr1 phải chấm dứt hành vi của

mình, điều này thể hiện ở việc năm 2003 ông Tr1 có đơn gửi đến Ban thôn B, xã T1 để yêu cầu giải quyết tranh chấp với gia đình tôi. Sau khi hòa giải tại Ban thôn B, xã T1 không thành thì ông Tr1 không đến lần chiếm đất của gia đình tôi nữa, gia đình tôi vẫn tiếp tục trồng keo và bạch đàn tái sinh cho đến nay. Như vậy, thửa đất này không phải do ông Tr1 khai hoang và ông không sử dụng thửa đất này từ năm 2003 đến năm 2005.

Thứ ba: Tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất phải đang sử dụng liên tục, ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004 thì mới đủ điều kiện, để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Chủ tịch UBND huyện S nhận định sai về nguồn gốc thửa đất và việc sử dụng đất ổn định, liên tục của ông Tr1, đồng thời hiểu sai về việc đang sử dụng đất ổn định, liên tục vì trong tất cả văn bản, lời khai ông Tr1 thừa nhận từ năm 2005 đến nay ông Tr1 không sử dụng thửa đất này. Chính vì vậy, không thể nhận định rằng ông Tr1 đang sử dụng đất liên tục, ổn định đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận và quyết định công nhận quyền sử dụng đất này là của ông Tr1. Nhận định và quyết định này của Chủ tịch UBND huyện S là trái quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

Qua kiểm tra, xác minh và nhận định về nguồn gốc sử dụng đất của hai Quyết định này mâu thuẫn với nhau:

Tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 thừa nhận rằng nguồn gốc thửa đất này do chúng tôi khai hoang. Như vậy, thửa đất đã được một cá nhân, hộ gia đình khai hoang thì không có chuyện xác định một cá nhân khác sau đó đến và tiếp tục khai hoang thửa đất đó lần thứ hai.

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cho rằng nguồn gốc thửa đất này do vợ chồng tôi khai hoang nhưng tại phần nhận định vẫn cho rằng Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện S là phù hợp với quy định pháp luật, sau đó lại dựa vào ý kiến của vợ chồng ông Tr1 để quyết định chia thửa đất này cho hai bên. Chúng tôi cho rằng việc giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 29/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi như vậy là có sự mâu thuẫn, việc áp dụng pháp luật đất đai và ra Quyết định giải quyết tranh chấp dựa trên ý kiến của vợ chồng ông Tr1 mà không đối chiếu, căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình chúng tôi.

Từ những phân tích trên, chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử: *Hủy Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T, ở thôn B, xã T1, huyện S; Hủy Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T (địa chỉ: thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).*

2. *Tại Văn bản ý kiến số 2734/UBND-NC ngày 17/6/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Diện tích đất 7.979,3m² đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T thuộc một phần diện tích thửa đất số 41, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 34, xã T1, nguyên trước năm 1975 là đất bỏ hoang, không ai sử dụng. Khoảng năm 1976-1980, Nông trường TS (hiện nay đã giải thể) trồng cây bạch đàn trên toàn khu vực HU (*trong đó có phần tích đất đang tranh chấp*) không đạt hiệu quả nên Nông trường không khai thác, số cây bạch đàn Nông trường TS trồng trước đây, người dân thôn B khai thác để làm củi đốt. Cùng thời điểm này, có một số hộ dân xóm 4, thôn B lên khai hoang (*trong đó có ông Nguyễn Ngọc T*) để trồng hoa màu (trồng mì, lang), do việc trồng hoa màu không hiệu quả nên sau đó các hộ dân bỏ hoang. Tại thời điểm năm 2003, khi Nhà nước có chủ trương trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc tại địa phương, ông Nguyễn Anh Tr1 thuê người phát hoang để trồng cây keo tại khu vực HU với tổng diện tích là 40.303m² (trong đó có diện tích đất tranh chấp với ông T nêu trên), toàn bộ diện tích đất trên đều hoang hóa. Năm 2004 ông Tr1 trồng keo, ông Trưởng không phát sinh tranh chấp đất, đến năm 2005 ông Nguyễn Ngọc T lên nhổ cây keo (khoảng 500 cây diện tích khoảng 1.000m²) của ông Tr1 bỏ đi và trồng lại keo của mình và bắt đầu phát sinh tranh chấp, đến năm 2010 ông Tr1 khai thác cây thì hộ ông T chiếm thêm đất thành diện tích như đang tranh chấp hiện nay vì cho rằng đất của cha mẹ để lại.

Ngày 13/7/2018, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T; trong đó giải quyết công nhận ông Nguyễn Anh Tr1 được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp. Không thống nhất với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện S, ông Nguyễn Ngọc T phát sinh đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết.

Cơ sở Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết bác đơn của ông Nguyễn Ngọc T tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T nêu trên nguyên trước năm 1975 là đất hoang hóa, sau năm 1975 ông T có khai hoang sử dụng một phần diện tích trồng hoa màu và khai thác tranh để lợp nhà; tuy nhiên, hiện nay không có cơ sở để xác định diện tích khai hoang của ông T là bao nhiêu, phần diện tích còn lại là chòi hoang và đất Nông trường TS trồng bạch đàn nhưng không hiệu quả sau đó bỏ hoang. Thời điểm năm 2003, khi ông Nguyễn Anh Tr1 khai phát hoang, diện tích đất mà hộ ông T sử dụng trồng hoa màu trước đây đã bỏ hoang hóa nhiều năm. Từ lúc phát hoang cho đến năm 2004 ông Tr1 trồng keo, ông T không phát sinh tranh chấp đất đai. Việc tranh chấp đất đai bắt đầu phát sinh vào năm 2005 khi ông T nhổ keo của ông Tr1 để trồng keo của mình, năm 2010 khi ông Tr1 khai thác keo, ông T tiếp tục chiếm thêm đất vì ông T cho rằng đất của cha mẹ ông để lại. Tuy nhiên, qua xác minh ông T không có giấy tờ về nguồn gốc đất.

Từ thực tế diễn biến nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi nhận thấy việc ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện S; hủy Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T (địa chỉ: thôn B, xã T1, huyện S) là không có cơ sở.

Tại văn bản số 1369/UBND-NC ngày 05/8/2020, Chủ tịch UBND huyện S trình bày:

Diện tích đất 7.979,3m² đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T thuộc một phần thửa đất số 41, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 34, xã T1 (*theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ*), trước năm 1975 bỏ hoang, không ai sử dụng. Sau năm 1975 đến năm 1980, Nông trường TS tiến hành trồng cây bạch đàn trên toàn khu vực HU nhưng không đạt hiệu quả kinh tế nên Nông trường không khai thác, số cây bạch đàn này được nhân dân thôn B khai thác để làm củi và khai hoang diện tích đất bằng phẳng (*trong đó có một phần diện tích đất đang tranh chấp*) để trồng mì, lang. Sau đó, từ năm 1986 đến trước năm 2002 thì diện tích đất tranh chấp này bỏ hoang, không ai sử dụng. Đến năm 2002, ông Tr1 thuê một số hộ dân lên phát dọn khu vực HU, xã T1 để trồng cây keo (*trong đó có diện tích đất tranh chấp này*). Đến năm 2004, ông Tr1 trồng cây keo trên diện tích đất 7.979,3m² này. Đến năm 2005, ông T lên nhổ cây keo của ông Tr1 để trồng cây keo lai trên phần diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, diện tích đất đang tranh chấp 7.979,3m² được ông Tr1 phát dọn, khai hoang trồng keo từ năm 2002 đến năm 2005, sử dụng liên tục, ổn định, thuộc trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có một

trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất nhưng đã sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai.

Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì ông Nguyễn Anh Tr1 đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 7.979,3m² này. Việc ông Nguyễn Ngọc T lấn chiếm diện tích đất 7.979,3m² của ông Nguyễn Anh Tr1 vào năm 2005 để trồng cây keo, vì cho rằng đất này có nguồn gốc của bác ruột để lại là không có cơ sở và cũng không có giấy tờ gì chứng minh, là không đúng theo quy định tại Điều 15 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013. Từ năm 2005 đến năm 2016, Ban thôn B và UBND xã T1 đã nhiều lần tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các đương sự nhưng kết quả hòa giải không thành. Do đó, việc ông Tr1 yêu cầu ông T thu dọn cây keo trên đất đang tranh chấp để trả lại đất cho ông sử dụng là có cơ sở.

Từ những căn cứ, nhận định nêu trên và theo quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T, ở thôn B, xã T1, huyện S theo đó, công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 7.979,3m², thuộc một phần thửa đất số 41, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 34, xã T1 (*theo bản đồ trích đo địa chính khu đất thuộc thửa đất số 2 và 3*) cho ông Nguyễn Anh Tr1 theo nội dung đơn đề ngày 26/9/2016 của ông Nguyễn Anh Tr1.

Chủ tịch UBND huyện S nhận thấy việc ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy bỏ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T, ở thôn B, xã T1, huyện S là không có cơ sở.

4. *Tại văn bản ý kiến số 146/UBND ngày 10/9/2020 và tại phiên tòa, Chủ tịch UBND xã T1 trình bày:*

Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và thời điểm phát sinh tranh chấp:

Nguồn gốc: Diện tích 7.979,3m² đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hạ Thị L thuộc một phần thửa đất số 41, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 34, đất công ích do UBND xã T1 quản lý. Hiện nay UBND xã đang rà soát lập hồ sơ đất công ích trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018.

Quá trình quản lý sử dụng và thời điểm phát sinh tranh chấp: Ngày 23/10/2018 Tổ xác minh (*được thành lập theo Quyết định số 821/QĐ-STNMT ngày*

08/10/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường) đã làm việc với UBND xã, nội dung về quá trình quản lý sử dụng và thời điểm phát sinh tranh chấp có biên bản làm việc kèm theo.

Việc ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND xã đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/6/2020, bản tự khai ngày 25/6/2020 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Anh Tr1, bà Trần Thị Minh H1 trình bày:

Vào năm 2002 theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tôi có làm đơn xin UBND xã T1 phát hoang vùng núi trọc khu vực HU vào giáp với núi Diên Niên xã Tịnh Sơn để trồng cây (Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thạch, Mai Tân Ninh; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Vinh; phía Tây giáp với núi Diên Niên xã Tịnh Sơn; phía Đông giáp với đất ông Mai Tân Ninh). Vùng đất này đã bỏ hoang vô chủ từ rất lâu, nơi đây Mỹ đã làm Sân Bay, đường xe tăng của Mỹ ngày xưa vẫn còn nguyên vẹn, ngoài Sân Bay là một khu rừng rậm âm u, khi tôi khai hoang mình dọn sạch lại thành đồng.

Sự thật từ năm 2002 tôi đã vào chọn vị trí để phát ranh khai hoang, đã trồng cây bạch đàn và keo. Năm 2004 tôi đã canh tác trở thành vùng rừng, đến giữa năm 2010 do hậu quả của bão năm 2009 nên tôi khai thác và đã cải tạo để trồng lại. Đến tháng 10/2010 gia đình ông Nguyễn Ngọc T (người cùng xóm) đã vào chiếm vùng đất trên của tôi với diện tích khoảng trên 7000m², khi tôi đã phát dọn lại sạch sẽ để chuẩn bị trồng lại mùa keo tiếp theo. Trong số 4 người vào chiếm đất của tôi (trong đó có gia đình ông T), họ tự lấy đá ngăn ranh giới chứ không có bờ cõi gì, những người này đã giành giật, xô xát với nhau để ngăn ranh giới, gây hỗn chiến, náo loạn ở nơi đây. Cũng xin nhắc lại vào năm 2004 khi tôi đã khai hoang và đang canh tác thì gia đình ông Nguyễn Ngọc T vào chiếm của tôi khoảng trên dưới 500m² đã nhỏ của tôi 536 cây keo, tôi đã ngăn cản và báo với chính quyền địa phương và được xã T1 vào hiện trường lập biên bản, đã được Hội 4 giải quyết lúc 19 giờ 30 phút ngày 16/10/2005 và Ban thôn B giải quyết vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 24/10/2005 (có biên bản giải quyết kèm theo). Nội dung giải quyết là không công nhận đất ông bà và ông T nhỏ cây phải bồi thường cây cho tôi nhưng ông vẫn bất chấp sự giải quyết của chính quyền và chưa bồi thường cây cho tôi. Nguyên mảnh đất khoảng trên dưới 500m² này tôi và mọi người trong xóm biết rất rõ, từ sau 1975 đã có rất nhiều chủ hộ canh tác như: Ông Bảy Minh, ông Đoàn, bà Tùng, ông Từ Cơ, ông Nguyễn Đức, ông Dương Tám và người làm cuối cùng trên mảnh đất này là ông Nguyễn Diên, sau đó là bỏ hoang rất lâu, tôi vào khai hoang để trồng cây keo. Ông T cho

rằng mảnh đất này là của ông bà ông ngày xưa nhưng không có cơ sở bởi thực tế là đã có nhiều chủ sản xuất sau đó là bỏ hoang như tôi đã nói ở trên. Vì vậy tôi nhất quyết không giao mảnh đất này cho ông. Sau đó tôi tiếp tục trồng cây, ông vẫn trồng chen vào cây của tôi. Đến năm 2010 ông T lại tiếp tục chiếm đất của tôi ở khu vực HU mà Mỹ đã làm Sân Bay. Vùng đất này là hoang hóa vô chủ từ trước đến nay, tôi đã khai hoang và canh tác trở thành vùng rừng, đã bán và tái sản xuất, đã phát dọn lại sạch sẽ để chuẩn bị trồng lại mùa keo tiếp theo với diện tích khoảng trên 7000m², lúc đó tôi đã ngăn cản và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông T đã bất chấp biên bản đình chỉ không được trồng của Ban thôn B vào ngày 03/10/2010, biên bản đình chỉ không được trồng và xâm chiếm của chính quyền xã vào ngày 07/10/2010. Mặc dù tôi đã ngăn cản và chính quyền địa phương đã lập biên bản đình chỉ nhiều lần nhưng ông T vẫn coi thường pháp luật, bất chấp chính quyền, mang cây vào xâm chiếm trồng phủ kín vùng đất mà tôi đã khai hoang và đang canh tác. Trong khi đó tôi thuê người phát dọn thì phải trả tiền công, cây mua về thì không trồng được phải bỏ khô. Tôi chưa kể công và tiền khai hoang ban đầu năm 2002 là rất lớn và vô cùng nguy hiểm do mìn đạn trong chiến tranh còn sót lại rất nhiều phải chôn thành đống. Mặc dù trên vùng đất mà ông xâm chiếm, tôi vẫn còn để bạch đàn và keo hiện giờ đang tái sinh phát triển. Đến năm 2016 ông T lại tiếp tục lấn chiếm đã trồng trụ bê tông vào trong diện tích đất và cây của tôi đang sử dụng. Việc lấn chiếm của ông đã được UBND xã T1 lập biên bản và có báo cáo số 100/BC-UBND ngày 14/9/2016 gửi UBND huyện S. Việc chiếm đất và những hành động côn đồ, coi thường pháp luật của gia đình ông T làm cho tôi vô cùng uất ức.

Việc ông Nguyễn Ngọc T xâm chiếm đất của tôi đã được Ban thôn B và chính quyền xã T1 lập biên bản đình chỉ, đã tổ chức hòa giải nhiều lần, các ban ngành chức năng cũng như các cấp có thẩm quyền từ huyện đến tỉnh đã thẩm tra xác minh và tổ chức hòa giải, cụ thể: Ngày 16/10/2005, Đội 4 giải quyết vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 24/10/2005, Ban thôn B giải quyết (Đội 4 và Ban thôn giải quyết đều có biên bản giải quyết kèm theo); ngày 03/10/2010 Ban thôn B đã giải quyết hoà giải nhưng không thành.

Ngày 07/10/2010, UBND xã T1 cử tổ công tác của xã, tiến hành kiểm tra và lập biên bản đình chỉ việc trồng cây của ông T tại khu đất HU mà tôi đã khai hoang và đang canh tác trở thành vùng rừng; ngày 12/10/2010 UBND xã T1 tiến hành mời ông Trường về tại cơ quan thôn B để tổ chức hoà giải nhưng không thành; ngày 22/10/2010 tổ công tác của UBND xã T1 tiến hành kiểm tra và đo đạc thực tế, xác định diện tích đất mà ông Nguyễn Ngọc T đã chiếm của tôi; ngày 28/10/2010 UBND xã T1 ra thư mời ông T về tại cơ quan thôn B để tiến hành tổ chức hoà giải.

Tại lần hòa giải này, tôi thống nhất theo cách giải quyết của UBND xã là tôi hai phần, ông Nguyễn Ngọc T một phần nhưng ông T không đồng ý. Sau đó UBND xã T1 đã có Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 14/11/2010 gửi UBND huyện S, Thanh tra huyện S, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S.

Ngày 11/11/2011, được sự thống nhất của Thanh tra huyện S, UBND xã T1 ra thư mời, có đại diện thanh tra huyện S, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S, các đương sự có liên quan về tại UBND xã T1 để giải quyết. Dưới sự chủ trì của Chủ tịch UBND xã, có các ban ngành của huyện về tham gia, qua xem xét, phân tích sự việc của các thành phần tham gia, Chủ tịch UBND xã T1 kết luận như sau: Trong diện tích 7896m² đất rừng đang có tranh chấp, ông Nguyễn Anh Tr1 50% diện tích (*tức là 3948m²*), còn ông Nguyễn Ngọc T 50% diện tích (*tức là 3948m²*).

Ngày 30/10/2012, Thanh tra huyện S có Phiếu chuyển đơn số 104/PCĐ-TTH đề nghị UBND xã T1 tiến hành đo đạc và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho tôi, vì biên bản hòa giải ngày 11/11/2011 đã có kết luận rõ ràng, đúng pháp luật và phù hợp với quản lý đất thực tế ở địa phương, nhưng UBND xã T1 vẫn chưa tiến hành đo đạc và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho tôi và UBND xã T1 đã có Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 19/11/2012 gửi Thanh tra huyện S.

Ngày 26/11/2014, UBND xã T1 mời tôi và ông T đến giải quyết để thỏa thuận theo cuộc họp hòa giải cuối cùng vào ngày 11/11/2011 có đại diện Thanh tra huyện S, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S về tham dự. Nếu các bên thống nhất, UBND xã sẽ tiến hành đo đạc và cấp lâm bạ để các hộ sản xuất ổn định nhưng ông T vẫn không thống nhất và cho rằng đó là đất ông bà ngày xưa để lại nhưng không có cơ sở pháp lý để chứng minh nguồn gốc đất. Còn tôi là người khai hoang từ năm 2002 và đang canh tác trở thành vùng rừng, đã bán và tái sản xuất. Sau đó UBND xã T1 đã có Báo cáo số 95/BC- UBND ngày 15/12/2014 gửi UBND huyện S.

Đến năm 2015, thực hiện Công văn số 273/UBND-NC ngày 05/02/2015 của UBND huyện S, UBND xã T1 đã thành lập Hội đồng hòa giải, giao nhiệm vụ cho địa chính tiến hành xác minh, thu thập thông tin. Qua xác minh địa chính đã có Báo cáo số 02/BC-ĐC ngày 28/3/2015: Đất này không có nguồn gốc rõ ràng, tính đến thời điểm xảy ra tranh chấp ông Nguyễn Ngọc T không sử dụng số diện tích chiếm nói trên. Từ thực tế trên cho thấy, do vài năm trở lại đây nguyên liệu gỗ keo trên thị trường có giá cho nên ông T viện cớ đất ông bà để lại để chiếm dụng chứ không có bất cứ giấy tờ pháp lý để chứng minh nguồn gốc đất. Vụ việc của tôi đã được huyện về đối thoại và đã có Thông báo số 30-TB/HU ngày 13/8/2015, sau đó UBND xã T1 đã có Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 15/01/2016 gửi UBND huyện S.

Ngày 27/7/2016, UBND xã T1 ra thư mời hòa giải tranh chấp đất rừng giữa tôi với ông Nguyễn Ngọc T nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên UBND xã không tiến hành hòa giải được. Ngày 20/9/2016, UBND xã T1 ra thư mời hòa giải tranh chấp đất rừng giữa tôi với ông Nguyễn Ngọc T nhưng ông T lại tiếp tục vắng mặt không có lý do nên UBND xã không tiến hành hòa giải được. Ngày 26/9/2016, tôi có làm đơn gửi UBND huyện S, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S.

Việc gia đình ông Trường xâm chiếm đất của tôi đã được các ban ngành chức năng cũng như các cấp có thẩm quyền từ huyện đến tỉnh đã thẩm tra, xác minh và tổ chức hòa giải nhiều lần. Kết quả cụ thể: Chủ tịch UBND huyện S đã có Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 giao đất cho tôi. Thực hiện Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 27/02/2019 đại diện phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện S, đại diện UBND xã T1, đại diện Công ty TNHH Kỹ thuật trắc địa và xây dựng Thuận Thành đến thực địa làm biên bản cắm mốc phân chia diện tích đất.

Là một công dân sống và làm việc theo tổ chức và pháp luật nên tôi đã thiệm chí chấp hành theo cách giải quyết của Ban thôn B, UBND xã T1, UBND huyện S và UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tôi muốn vụ việc được giải quyết dứt điểm còn vợ chồng ông T không thống nhất, mà còn khởi kiện.

Việc gia đình ông T lấn chiếm đất của tôi quá nhiều lần, tôi đề nghị Tòa án xác minh cụ thể, chính xác, tôi phản đối việc khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và bà Hạ Thị L. Kính mong Tòa xem xét giải quyết dứt điểm để gia đình ông Nguyễn Ngọc T trả lại diện tích đất đã xâm chiếm cho tôi.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 14-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1

với ông Nguyễn Ngọc T, ở thôn B, xã T1, huyện S và Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T (*địa chỉ: thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi*).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Ông Nguyễn Ngọc T và bà Hạ Thị L khởi kiện cho rằng diện tích đất tranh chấp 7.979,3m² thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, xã T1 có nguồn gốc từ ông bà để lại và do vợ chồng ông T, bà L trực tiếp khai hoang sử dụng ổn định, liên tục, có ranh giới, mốc giới rõ ràng từ năm 1978 đến nay. Tuy nhiên, cuối năm 2003 ông Nguyễn Anh Tr1 ngang nhiên lấn chiếm để trồng keo nên vợ chồng ông T, bà L ngăn cản và vợ chồng ông T, bà L tiếp tục trồng keo và bạch đàn tái sinh cho đến nay. Do đó, vợ chồng ông T, bà L có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 7.979,3m² thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, xã T1. Tuy nhiên, ông T, bà L không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp; các lời xác nhận của các nhân chứng không xác định vị trí, diện tích và tứ cận nên không đủ cơ sở tin cậy.

Mặt khác, theo Bản đồ Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Tr1 với ông T là loại đất hoang đồi núi (*Hgđn*); năm 2003-2004 ông Nguyễn Anh Tr1 phát hoang, trồng keo diện tích đất tranh chấp thì ông T, bà L không có tranh chấp khiếu nại (*mặc dù bà L khai ông Tr1 chặt phá bạch đàn của gia đình bà*). Bên cạnh đó, tại biên bản giải

quyết tranh chấp ngày 16/10/2005 ông Nguyễn Ngọc T thừa nhận diện tích đất tranh chấp sau giải phóng năm 1975 được nhiều người khai hoang sản xuất rồi đến ông Trường sản xuất và sau đó thì đất này bỏ hoang: “*Năm 1966-1967 chiến tranh ác liệt bỏ hoang. Sau năm 1975 giải phóng ông Bảy Minh dỡ để sản xuất, sau vào Nam để lại cho bà Tùng... sau tôi sản xuất thời gian bà con bỏ, tôi cũng bỏ. Năm 2004 phong trào trồng cây tôi chưa kịp phát, ông Nguyễn Anh Tr1 phát, đào lỗ đã trồng một số cây trên mảnh rẫy của tôi... tôi tức giận có nhổ một số cây của anh Tr1..*”; tại Biên bản hòa giải ngày 11/11/2011, ông Nguyễn Ngọc T cũng khai thừa nhận diện tích đất tranh chấp do ông Tr1 sử dụng trồng cây, sau khi ông Tr1 khai thác và phát dọn vào năm 2010 thì ông T đem cây vào diện tích đất tranh chấp trồng cho đến nay: “*ông Tr1 đem cây vào trồng, đến khi ông Tr1 khai thác cây và phát dọn tôi đem cây vào trồng thì ông Tr1 đến bảo là không được trồng nên dẫn đến việc tranh chấp này*” và tại phần kết luận của Biên bản hòa giải ngày 12/10/2010, thể hiện ông Tr1 phát hoang, trồng được 01 mùa keo lai từ năm 2004, sau khi khai thác, ông Tr1 phát dọn để trồng lại thì ông T đem keo lên trồng trên đất ông Tr1 đã trồng cây, khai thác và phát dọn (*ông T ký vào biên bản*). Do đó, việc ông Nguyễn Ngọc T và bà Hạ Thị L cho rằng diện tích đất tranh chấp 7.979,3m² thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, xã T1 có nguồn gốc từ ông bà để lại và do vợ chồng ông T, bà L khai hoang, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1978 đến nay là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Lời khai của người bị kiện về diện tích đất 7.979,3m² trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 34 đang tranh chấp, có nguồn gốc: Trước năm 1975 là đất hoang hóa, không ai sử dụng. Từ sau năm 1975 đến năm 1980, Nông trường TS tiến hành trồng cây bạch đàn trên toàn khu vực HU nhưng không đạt hiệu quả kinh tế nên một số người dân thôn B chặt phá làm củi và phát hoang (*trong đó có hộ ông T phát hoang diện tích đất đang tranh chấp*) để trồng mì, lang nhưng tiếp tục bỏ hoang, không ai sử dụng từ năm 1986 đến trước năm 2002. Năm 2002, ông Tr1 thuê một số hộ dân lên phát dọn khu vực HU, xã T1 để trồng cây keo (*trong đó có diện tích đất tranh chấp*), phù hợp với các tài liệu địa chính; đó là:

Bản đồ Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Tr1 với ông T thuộc một phần thửa đất 1336, tờ bản đồ số 1, diện tích 421.600m², loại đất Hgđn (*đất hoang đồi núi*) và Bản đồ địa chính theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Tr1 với ông T thuộc một phần thửa đất số 41, diện tích 432.602m², tờ bản đồ số 34, chủ sử dụng đất UBND xã T1, mục đích sử dụng: LNK; phù hợp với lời khai của các nhân chứng Phan Ngọc Rân (*xóm trưởng từ năm 2009 đến nay*), Mai Tấn Minh, Nguyễn Thành Vinh và Nguyễn Văn Đồng (*Bí*

thư chi bộ, trưởng khu dân cư từ năm 2002 đến năm 2007) về diện tích đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T về Nông trường TS trồng cây bạch đàn trên toàn khu vực HU không hiệu quả, về một số hộ dân (trong đó có hộ ông T) trồng cây ngắn ngày và sao đó bỏ hoang từ năm 1986 đến trước năm 2002 (bao gồm cả phần đất tranh chấp) và việc ông Tr1 phát hoang năm 2002, ông T nhổ cây của ông Tr1, ông T trồng keo trên đất ông Tr1 khai thác cây vào năm 2010... Vì vậy, có cơ sở xác định: Diện tích đất tranh chấp, gia đình ông T có thời gian sử dụng nhưng sau đó bỏ hoang; năm 2003-2004 ông Tr1 phát hoang trồng cây theo chủ trương trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc tại địa phương của Nhà nước; đến năm 2010 ông T cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông bà ông T nên không cho ông Tr1 sử dụng và ông T trồng cây, trồng trụ bê tông trên diện tích đất tranh chấp, mặc dù chính quyền địa phương đã lập biên bản đình chỉ việc trồng cây của ông T vào ngày 07/10/2010. Như vậy, việc ông Tr1 không tiếp tục sử dụng diện tích đất tranh chấp là do ông T ngăn cản, lấn chiếm.

Cho nên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 và Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 7.979,3m² (thuộc một phần thửa đất số 41, diện tích 432.602m², loại đất trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 34, xã T1) của ông Nguyễn Anh Tr1 là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Trên cơ sở tự nguyện của ông Nguyễn Anh Tr1, bà Trần Thị Minh H1 tại Biên bản ngày 14/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L diện tích 3.989,6m² tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 (Biên bản cắm mốc phân chia diện tích đất ngày 27/02/2019) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L về yêu cầu hủy Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S và yêu cầu hủy Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Anh Tr1 với ông Nguyễn Ngọc T (*địa chỉ: thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi*).

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T, bà Hạ Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh